

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày: 30-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý
Ông Nguyễn Văn Dạng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) S.

Địa chỉ: đường N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thân Lê N – Nhân viên công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S.

Địa chỉ: Lầu 5, số Y đường N, phường V, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/6/2023.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2021 của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt Ngân hàng) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Thân Lê N có lời trình bày:

Giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh Q có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Q hạn mức 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 50.788.592 đồng. Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.432.450 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Q không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn tại thời điểm chuyển nợ gốc 57.941.313 đồng, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,9%/tháng (= lãi suất trong hạn 2,6%/tháng x 150%).

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/3/2021 tổng cộng 59.523.117 đồng, trong đó gồm nợ gốc 57.941.313 đồng và lãi quá hạn 1.581.804 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 12/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Q thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 12/6/2023 số tiền gốc 57.941.313 đồng, lãi quá hạn 63.272.160 đồng, tổng cộng gốc lãi là 121.213.473 đồng. Ngoài ra, yêu cầu kể từ ngày 13/6/2023 ông Q phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Q vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa tổ chức tín dụng với cá nhân được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh Q đăng ký thường trú tại ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2023 cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xác định ông Nguyễn Minh Q có đăng ký thường trú tại ấp C, thị trấn H, huyện T, hiện ông Q không có ở địa phương, không rõ sinh sống, làm việc ở đâu. Cách đây khoảng 01 tháng ông Q có đến trụ sở Công an thị trấn H làm căn cước công dân. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Ông Q là người có nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, căn cứ theo quy định tại **điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự** xác định ông Q cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Bị đơn cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn, cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Ông Q vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại **Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự**.

[2] Về nội dung vụ án: Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại **Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015** nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 12/6/2023 ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 57.941.313 đồng, lãi quá hạn 63.272.160 đồng, tổng cộng gốc lãi là 121.213.473 đồng.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc, lãi là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các **Điều 466, Điều 468, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Q trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền còn nợ tổng cộng 121.213.473 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 13/6/2023 ông Q còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Qua phân tích nêu trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 12/6/2023 là 121.213.473 đồng, trong đó tiền nợ gốc 57.941.313 đồng và tiền lãi quá hạn 63.272.160 đồng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Q còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là hợp đồng) cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh Q có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 6.060.673 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.488.078 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011712 ngày 23/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp